

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143 /2018/HS-ST
Ngày 13 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 06 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/HSST-QĐ ngày 20/03/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/HSST ngày 09/5/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 45 ngày 24/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn B, sinh năm 1978 tại Thành phố Hải Phòng; thường trú: Khu phố A2, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Hồng T, sinh năm 1950 và con bà Vũ Thị S, sinh năm 1952; có vợ tên Trịnh Thị H, sinh năm 1979 và có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Huy K, sinh năm 1980 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm T1, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố A2, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Trường X, sinh năm 1949 và con bà Ngô Thị M, sinh năm 1952; có vợ tên Hồ Thị H, sinh năm 1982 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Công ty Cổ phần tập đoàn Mai Linh.

Địa chỉ: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ D- Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công L – giám đốc Chi nhánh công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh tại Bình Dương (theo Quyết định về việc ủy quyền số 20/2014/QĐ –CTHĐQT.MLG), ông L ủy quyền cho ông Đinh Đức H, sinh năm 1983; thường trú: Ấp V, xã C, huyện U, tỉnh Bình Dương làm đại diện (theo giấy ủy quyền ngày 25.12.2016), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1. Công ty PUNGKOOK Sài Gòn II. Đại diện theo pháp luật ông N - Tổng giám đốc, ông N ủy quyền cho ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1962; thường trú: Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện (theo giấy ủy quyền ngày 15/8/2016), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Anh Trương Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố A2, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Anh Mai Văn S, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng;

1. Chị Lê Thị Thiên H, sinh năm 1980; địa chỉ: Đường số 3, khu phố 4, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Anh G, sinh năm 1978; địa chỉ: Chung cư Hoàng Long, phường A, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Chị Trần Thị D, sinh năm 1981; địa chỉ: Phường 16, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chi nhánh công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh tại Bình Dương (gọi tắt Công ty Mai Linh) ký hợp đồng lao động với bị cáo Hoàng Văn B ngày 10/12/2015, bị cáo Nguyễn Huy K ngày 3/6/2014, ký hợp đồng với Mai Văn S ngày 10/10/2016. Ngày 10/8/2015 công ty Mai Linh và bị cáo B ký hợp đồng hợp tác kinh doanh trong việc bị cáo B đưa tài sản xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, biển số 61A -235.07 vào trong công ty Mai Linh phục vụ việc kinh doanh. B, K và Mai Văn S có nhiệm vụ lái xe taxi cho công ty Mai Linh.

Công ty Mai Linh ký hợp đồng với Công ty PungKook Sài Gòn II (gọi tắt Công ty Pungkook II) trong việc vận chuyển hành khách là nhân viên, đối tác của công ty Pungkook II, hình thức hợp đồng Công ty Mai Linh cung cấp cho Công ty Pungkook II các tập biên lai cước phí, mỗi tập gồm 25 biên lai được đánh số sêri, mỗi tờ biên lai có 3 liên (liên 1, liên 2, liên 3) được xếp chồng lên nhau, trên mỗi liên được đóng sẵn một dấu tròn của công ty Mai Linh thể hiện thông tin thời gian, nơi đi, nơi đến, cước phí, số tài, mã số nhân viên taxi, số tiền, tên tài xế, tên hành khách...cung cấp các tấm thẻ cà bằng nhựa kích thước 5 cm x 8 cm, trên mỗi thẻ cà có một dãy số ký tự riêng (mã số khách hàng) được in nổi. Khi có tập biên lai cước phí, mã số thẻ cà Công ty Pungkook II giao lại cho người quản lý của các

nhóm như nhóm kiểm hàng, nhóm chăm sóc khách hàng... để sử dụng cho nhân viên, đối tác khách hàng công ty khi di chuyển bằng taxi. Khi nhân viên, đối tác khách hàng Công ty Pungkook II di chuyển bằng Taxi Mai Linh sẽ gặp người quản lý nhóm nhận biên lai cước phí, mượn thẻ cà, sau đó đặt biên lai cước phí lên thẻ cà, cà vào biên lai để in phần mã số khách hàng lên các liên 1, liên 2, liên 3 sau đó trả lại thẻ cà cho người quản lý. Khi sử dụng taxi người đi taxi tự ghi các thông tin trên biên lai cước phí, ký tên xác nhận và giữ lại liên 2 biên lai cước phí về giao lại cho bộ phận kế toán của công ty Pungkook II, riêng liên 1 và liên 3 biên lai cước phí giao lại cho tài xế taxi, tài xế taxi sẽ giao biên lai cước phí cho bộ phận thu ngân Công ty Mai Linh quyết toán. Bộ phận thu ngân Công ty Mai Linh khi tiếp nhận biên lai cước phí đối chiếu với dữ liệu lưu trên đồng hồ tính cước trên xe taxi, kết quả trùng khớp sẽ chuyển cho bộ phận kế toán Công ty Mai Linh, đến cuối tháng tổng hợp liên 1, liên 3 biên lai cước phí thông báo cho Công ty Pungkook II, công ty Pungkook II sẽ đối chiếu liên 2, liên 1, liên 3 để thanh toán tiền taxi bằng hình thức chuyển khoản cho Công ty Mai Linh.

Công ty Mai Linh thanh toán tiền cho bị cáo B, K và Mai Văn S vào ngày 20 hàng tháng, số tiền thu nhập của bị cáo Ba là 83.5% trên số tiền doanh thu cước phí taxi chạy hàng ngày (do B có xe ô tô đưa vào hợp tác kinh doanh), bị cáo K và Mai Văn S số tiền thu nhập là 50% trên số tiền doanh thu cước phí taxi chạy hàng ngày. Số tiền thanh toán trên cơ sở nhận tiền từ Công ty Pungkook II thanh toán cho tài xế taxi hoặc công ty Mai Linh xuất toán trước để thanh toán cho tài xế taxi sau này quyết toán với công ty PungKook II sau.

Trương Văn H là nhân viên Công ty Pungkook II, vào tháng 2/2016 khi sử dụng dịch vụ taxi Mai Linh, H biết bị cáo B, thời gian này H nói với B “H được Công ty Pungkook II cấp chế độ đi xe taxi mỗi tháng 80.000.000 đồng bằng biên lai cước phí, H sử dụng không hết biên lai, H bán lại biên lai cước phí cho B để về thanh toán cho Công ty Mai Linh”, mỗi biên lai B mua của H với giá trung bình 200.000 đồng/ 1 biên lai. Biên lai H bán cho B chưa ghi nội dung nhưng đã được cà mã số thẻ.

Sau khi mua biên lai cước phí từ H, B sử dụng biên lai cước phí này vào việc quyết toán cho Công ty Mai Linh trong các trường hợp: B chạy taxi nhưng không chở khách nhưng vẫn cho đồng hồ xe tính cước, sau đó tự ghi tên khách hàng sử dụng taxi, lộ trình di chuyển, cước phí và ký nhận vào biên lai cước phí hoặc chở khách không phải nhân viên, đối tác của Công ty Pung kook II nhưng B vẫn ghi tên khách hàng của công ty Pungkook II, lộ trình di chuyển, cước phí, ký tên trên biên lai cước phí hoặc để tăng thêm tiền cước xe khi khách hàng xuống xe ở chiều đi, chiều về không có khách nhưng B vẫn cho đồng hồ taxi hoạt động tính tiền cước taxi sau đó điền thông tin vào biên lai cước phí để nộp về Công ty Mai Linh quyết toán.

Đối với Nguyễn Huy K, Mai Văn S quen biết Hoàng Văn B khi chạy xe taxi cho Công ty Mai Linh, sau khi B có biên lai cước phí mua từ H, B nói cho K việc sử dụng biên lai cước phí mua từ H để quyết toán cho Công ty Mai Linh và quyết toán được, do vậy B đưa một số biên lai cước phí cho K, khi K chở khách hàng

không phải của công ty Pungkook II nhưng K vẫn sử dụng biên lai cước phí do B đưa tự ghi các thông tin như tên khách hàng, lộ trình đi, cước phí và ký nhận vào biên lai về đưa lại B để B nộp vào quyết toán với Công ty Mai Linh, còn tiền do khách hàng trả thì K sử dụng riêng. Đối với Mai Văn S bị cáo B đưa biên lai cước phí cho S để nhờ S ghi thông tin khách hàng, số tiền sau đó đưa lại cho B để B quyết toán với công ty, S không được hưởng lợi từ số biên lai bị cáo B đưa cũng như không biết việc B mua biên lai cước phí để quyết toán với công ty Mai Linh.

Bị cáo B, K và Mai Văn S đã quyết toán cho công ty Mai Linh:

Trong tháng 2/2016, Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K quyết toán 30 biên lai cước phí với số tiền 50.668.000 đồng, bị cáo B quyết toán 28 biên lai với số tiền 47.356.000 đồng cho Công ty Mai Linh, B được thanh toán 39.542.260 đồng; Nguyễn Huy K quyết toán 2 biên lai cước phí với số tiền 3.312.000 đồng, K được thanh toán số tiền 1.656.000 đồng.

Trong tháng 3/2016, Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K, Mai Văn S quyết toán 43 biên lai cước phí với số tiền 59.892.000 đồng. Bị cáo B quyết toán 34 biên lai với số tiền 42.510.000 đồng, B được thanh toán 35.495.850 đồng; bị cáo K quyết toán 7 biên lai với số tiền 13.982.000 đồng, K được thanh toán 6.991.000 đồng; Mai Văn S quyết toán 2 biên lai với số tiền 3.400.000 đồng, S được thanh toán 1.700.000 đồng.

Tháng 4/2016, Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K, Mai Văn S quyết toán 9 biên lai cước phí với số tiền 14.280.000 đồng, công ty Mai Linh quyết toán cho B 4 biên lai với số tiền 5.850.000 đồng, B được thanh toán 4.884.750 đồng; bị cáo K quyết toán 3 biên lai với số tiền 5.460.000 đồng, K được thanh toán 2.730.000 đồng; Mai Văn S quyết toán 2 biên lai với số tiền 2.970.000 đồng, S được thanh toán 1.485.000 đồng.

Từ tháng 2 đến tháng 4/2016 Công ty Mai Linh đã quyết toán cho bị cáo B số tiền 79.922.860 đồng, bị cáo K số tiền 11.377.000 đồng, Mai Văn S số tiền 3.185.000 đồng.

Đối với công ty Pungkook II:

Trong tháng 2/2016, Công ty Pungkook II thanh toán cho Công ty Mai Linh tổng số tiền 50.668.000 đồng cước phí taxi. Riêng tháng 3 và tháng 4/2016 do biết cước phí taxi có sự gian lận, công ty Pungkook II không thanh toán cước phí cho công ty Mai Linh nhưng Công ty Mai Linh xuất toán tiền để thanh toán cho B, K và S theo biên lai B, K, S nộp vào công ty Mai Linh.

Hoàng Văn B biết thông tin sử dụng biên lai cước phí để quyết toán cho Công ty Mai Linh bị phát giác, ngày 26/6/2016 bị cáo B nộp số tiền 124.840.000 đồng cho công ty Mai Linh (bao gồm tiền biên lai cước phí bị cáo B, K và S quyết toán vào tháng 2, 3, 4/2016), Công ty Mai Linh giữ lại số tiền 50.668.000 đồng, khoản còn lại 74.172.000 đồng công ty Mai Linh quyết toán cho B, K, S theo biên lai quyết toán.

Ngày 15/8/2016 Công ty PungKook II có đơn trình báo việc gian lận cước phí taxi lên đồn Công an khu công nghiệp Sóng Thần. Ngày 31/8/2016 đồn Công an khu Công nghiệp Sóng Thần chuyển tin báo cho Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương điều tra làm rõ.

Vật chứng thu giữ 73 biên lai cước phí (thể hiện bị cáo B, K, S quyết toán cho Công ty Mai Linh vào tháng 2,3/2016). 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của bị B.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Mai Linh không yêu cầu bị cáo B, K và Mai Văn S bồi thường cước phí taxi.

Công ty Pungkook II yêu cầu Công ty Mai Linh trả lại tiền taxi đã thanh toán vào tháng 2/2016 với số tiền 50.668.000 đồng. Công ty Mai Linh đồng ý thanh toán khi Tòa án xét xử (bút lục 524,525 ngày 03/4/2018).

Kết luận giám định số 31/GĐ-PC54 ngày 23/3/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

-Chữ ký, chữ viết họ tên “Hoàng Văn B” dưới mục “Lái xe ký, ghi rõ họ tên” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A16) so với chữ ký và chữ viết họ tên của Hoàng Văn B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 đến M9) do cùng một người ký và viết ra.

-Chữ viết tại các mục số : “Số tài; mã số Nv; từ ; đến; thời gian sử dụng dịch vụ; cước taxi; tổng tiền; bằng chữ; ngày; tháng; năm” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A61, A 71, A72 và A73) so với chữ viết của Hoàng Văn B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M2, M3) do cùng một người viết ra.

-Chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Huy K” dưới mục “Lái xe ký, ghi rõ họ tên” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A62 đến A70) so với chữ ký và chữ viết họ tên của Nguyễn Huy K trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M10 đến M14) do cùng một người ký và viết ra.

-Chữ viết tại các mục số : “Số tài; mã số Nv; từ ; đến; thời gian sử dụng dịch vụ; cước taxi; tổng tiền; bằng chữ; ngày; tháng; năm” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A62 đến A 70) so với chữ viết của Nguyễn Huy K trên tài liệu mẫu (ký hiệu M10) do cùng một người viết ra.

-Chữ ký và chữ viết họ tên “Mai Văn S” dưới mục “Lái xe ký, ghi rõ họ tên” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A71 đến A72) so với chữ ký và chữ viết họ tên của Mai Văn S trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M15 đến M19) do cùng một người ký và viết ra.

Kết luận giám định số 2585/C54 ngày 18/8/2017 của phân viện khoa học hình sự -Tổng cục cảnh sát.

-Chữ ký dưới mục “Hành khách ký, ghi rõ họ tên” trên 57 (năm mươi bảy) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3; từ A5 đến A7; từ A 14 đến A 60; từ A70 đến A73 và chữ ký, chữ viết dưới mục “Hành khách ký, ghi rõ họ tên” trên tài liệu ký hiệu A61 so với chữ ký, chữ viết thực nghiệm của Hoàng Văn B trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký dưới mục “Hành khách ký, ghi rõ họ tên” trên 08 (tám) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A62 đến A69 so với chữ ký, chữ viết thực nghiệm của Nguyễn Huy K trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký, viết ra.

-Không kết luận được chữ ký dưới mục “Hành khách ký, ghi rõ họ tên” trên 07 (bảy) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A4, từ A8 đến A10, A12, A13 và chữ ký, chữ viết thực nghiệm tương ứng của Nguyễn Huy K, Trương Văn H, Hoàng Văn B trên 03 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Bị cáo Hoàng Văn B nhờ Mai Văn S ký cho 02 biên lai cược phí để quyết toán trong tháng 3/2016 với số tiền 3.400.000 đồng; 02 biên lai cược phí để quyết toán trong tháng 4/2016 với số tiền 2.970.000 đồng. Mai Văn S không được B bàn bạc, cũng như không được B cho tiền chiếm đoạt cược phí. Do chưa đủ căn cứ xử lý hình sự, Công an thị xã Dĩ An không xử lý.

Đối với Trương Văn H thời gian đầu thừa nhận việc bán biên lai cược phí taxi cho bị cáo B, sau này H không thừa nhận, chỉ thừa nhận cho B khoảng từ 3 đến 5 biên lai trống. Công an thị xã Dĩ An tách điều tra xác minh xử lý sau.

Cáo trạng số 342/CT-VKS ngày 22/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, (bị cáo B theo điểm e khoản 2 Điều 139, bị cáo K theo khoản 1 Điều 139), Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo B từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

Khoản 1 Điều 139, điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo K từ 6 tháng đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của bị cáo B.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo B nộp 124.840.000 đồng khắc phục hậu quả cho Công ty Mai Linh, công ty Mai Linh đã thanh toán cho bị cáo B, K và Mai Văn S theo hợp đồng 74.172.000 đồng và giữ lại số tiền 50.668.000 đồng là khoản tiền công ty Pungkook II quyết toán tháng 2/2016 cho công ty Mai Linh để thanh toán cho bị cáo B, K và Mai Văn S. Qua yêu cầu công ty Mai Linh và công ty Pungkook II đề nghị Hội đồng xét xử buộc công ty Mai Linh trả lại Công ty Pungkook II khoản tiền trên.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo B, K không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình thụ lý hồ sơ vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã trả điều tra bổ sung 02 lần để viện Kiểm sát thị xã Dĩ An xem xét khởi tố đối với Trương Văn H do có hành vi đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên viện kiểm sát có công văn trả lời chưa đủ căn cứ khởi tố hình sự Trương Văn H với vai trò đồng phạm và tiếp tục tách xác minh xử lý sau. Căn cứ khoản 1 Điều 298 Giới hạn của việc xét xử, Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên Tòa bị cáo Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K khai nhận các bị cáo là tài xế taxi cho Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh chi nhánh Bình Dương, các bị cáo thường chở khách hàng, đối tác của công ty Pungkook II do công ty Mai Linh ký hợp đồng, mỗi lần chở khách khi thanh toán tiền khách hàng sử dụng biên lai cước phí để tài xế về thanh toán với công ty.

Vào tháng 2/2016, bị cáo B quen biết Trương Văn H là nhân viên công ty Pungkook II sau đó bị cáo B đã mua biên lai cước phí taxi về quyết toán cho công ty Mai Linh bằng cách mỗi lần bị cáo B điều khiển xe taxi nhưng không chở khách nhưng vẫn cho đồng hồ xe taxi tính cước, hoặc khách hàng xuống xe ở chiều đi, chiều về không có khách nhưng B vẫn cho đồng hồ taxi hoạt động tính tiền cước taxi sau đó điền thông tin vào biên lai cước phí để nộp về Công ty Mai Linh quyết toán chiếm đoạt tiền.

Bị cáo B nói cho bị cáo K việc sử dụng biên lai cước phí mua từ H để quyết toán cho Công ty Mai Linh và quyết toán được, do vậy B đưa một số biên lai cước phí cho K, khi K chở khách hàng không phải của công ty Pungkook II, K vẫn lấy tiền cước phí nhưng số tiền này không nộp về công ty mà sử dụng biên lai cước phí bị cáo B đưa để tự ghi các thông tin như tên khách hàng, lộ trình đi, cước phí và ký nhận vào biên lai về đưa lại B để B nộp vào quyết toán với Công ty Mai Linh chiếm đoạt tiền.

Đối với Mai Văn S bị cáo B đưa biên lai cước phí và nhờ S ghi tên khách hàng, lộ trình đi, cước phí để B quyết toán cho công ty Mai Linh chiếm đoạt tiền. B không trả tiền cho S.

Từ tháng 2 đến tháng 4/2016, bị cáo B, K và Mai Văn S nộp biên lai cước phí và được Công ty Mai Linh quyết toán số tiền: Bị cáo B 79.922.860 đồng, bị cáo K 11.377.000 đồng, Mai Văn S số tiền 3.185.000 đồng.

Lời khai bị cáo B, K và Mai Văn S trong việc tự ghi các thông tin trên biên lai cước phí taxi để quyết toán cho công ty Mai Linh phù hợp với kết luận giám định số 31/GĐ-PC54 ngày 23/3/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương trong việc giám định chữ viết của B, K, Mai Văn S trên biên lai cước phí taxi quá trình điều tra thu giữ.

Tại Điều 139 Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.

Như vậy, bị cáo Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K dùng thủ đoạn gian dối như không chở khách hàng, đối tác công ty Pungkook II nhưng vẫn ghi trong biên lai cước phí thể hiện khách hàng, đối tác công ty Pungkook II sử dụng dịch vụ taxi sau đó sử dụng các biên lai cước phí này để quyết toán với công ty Mai Linh chiếm đoạt tiền. Qua việc gian dối trên bị cáo K chiếm đoạt 11.377.000 đồng, Mai Văn S được thanh toán 3.185.000 đồng, bị cáo B chiếm đoạt 79.922.860 đồng. Trong vụ án, bị cáo B giữ vai trò chính, do vậy ngoài việc bị cáo B chiếm đoạt số tiền 79.922.860 đồng, bị cáo B còn phải chịu trách nhiệm với số tiền bị cáo K và Mai Văn S được công ty Mai Linh thanh toán, cụ thể bị cáo B phải chịu trách nhiệm số tiền chiếm đoạt là 94.484.860 đồng.

Hành vi trên của bị cáo B, K đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bản cáo trạng số 342/QĐ – KSĐT ngày 22/11/2017 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo K theo khoản 1 Điều 139, bị cáo B theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm do bị cáo K thực hiện là ít nghiêm trọng, bị cáo B thực hiện là nghiêm trọng. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của bị hại Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi

trên của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K, B không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo B tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo K, B trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo B có cha ruột Hoàng Hồng T được nhà nước tặng khen huy chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo B hiện là lao động chính trong gia đình đang phải nuôi 04 người con còn nhỏ chưa đủ 18 tuổi. Tình tiết trên được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo K, B có nhân thân tốt thể hiện việc các bị cáo có việc làm ổn định, các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo B, K có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tiền bị cáo B, K và Mai Văn S chiếm đoạt từ Công ty Mai Linh từ tháng 2 đến tháng 4/2016, khoản tiền này bị cáo B đã nộp khắc phục cho công ty Mai Linh. Hiện Công ty Mai Linh còn giữ số tiền 50.668.000 đồng do bị cáo B nộp, đây là khoản tiền công ty Pungkook II chi trả quyết toán cho Công ty Mai Linh cước phí taxi trong tháng 2/2016. Quá trình điều tra công ty Pungkook II có yêu cầu nhận lại khoản tiền trên, công ty Mai Linh đồng ý thanh toán khi có quyết định của Tòa án. Do vậy, cần buộc công ty Mai Linh trả lại công ty Pungkook II số tiền trên là phù hợp pháp luật.

[5] Trong vụ án có đồng phạm, bị cáo Hoàng Văn B là người giữ vai trò chính trong vụ án, thể hiện việc bị cáo sử dụng biên lai cước phí bị cáo khai mua từ H để bị cáo quyết toán, đồng thời đưa biên lai cước phí taxi cho bị cáo Nguyễn Huy K và Mai Văn S để K, S quyết toán chiếm đoạt tiền công ty Mai Linh. Bị cáo B, K cùng thực hiện với vai trò người thực hành.

Đối với Mai Văn S được bị cáo B nhờ ký biên lai cước phí để quyết toán, S không được B bàn bạc cũng như được B trả tiền. Do vậy, Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An không xem xét xử lý là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 của bị cáo B, do liên quan đến việc phạm tội. Do vậy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với bị cáo B, K, việc xử lý vật chứng cũng như về trách nhiệm dân sự. Xét quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo B, K phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty Mai Linh phải nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.1 Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn B 2 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn B cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.

1.2 Căn cứ vào khoản 1 Điều 139, điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy K 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Huy K cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án Hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Buộc Công ty Cổ phần tập đoàn Mai Linh trả lại cho Công ty PUNGKOOK Sài Gòn II số tiền 50.668.000 đồng (năm mươi triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Hoàng Văn B, Nguyễn Huy K mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Công ty cổ phần tập đoàn Mai Linh phải nộp 2.533.400 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh